

# Ba mươi năm Chương trình Thái học Việt Nam: Thành tựu, các chủ đề và định hướng nghiên cứu

Vương Toàn<sup>(\*)</sup>

**Tóm tắt:** Thái học (nội dung của Chương trình Thái học Việt Nam) là một trong những lĩnh vực nghiên cứu gắn liền với sự ra đời và phát triển của ngành Việt Nam học ở nước ta. Chương trình Thái học Việt Nam ra đời năm 1989, trải qua hơn 30 năm hoạt động đã đạt được những thành tựu đáng ghi nhận. Bài viết hệ thống hóa những vấn đề đã được Chương trình đề cập theo 10 chủ đề chính, từ đó đề xuất một số định hướng nghiên cứu sắp tới cho lĩnh vực nghiên cứu này, góp phần xây dựng và phát triển ngành Việt Nam học trong tương lai.

**Từ khóa:** Thái học, Việt Nam học, Thành tựu nghiên cứu, Định hướng nghiên cứu

**Abstract:** Thai Studies, namely the Vietnam's Thai Ethnic Group Studies Program, is one of the research fields associated with the establishment and development of Vietnamese Studies in Vietnam. Over 30 years since its establishment in 1989, the program has achieved remarkable accomplishments. The article includes a systematical review of 10 main research topics conducted under the program and propositions of research possibilities in an attempt to contribute to the development of the Vietnamese Studies in the coming future.

**Keywords:** Thai Studies, Vietnam Studies, Research Achievements, Research Orientation

## 1. Sự ra đời và đối tượng nghiên cứu của Chương trình Thái học Việt Nam

Thái học (Tai/Thai Studies) sớm được quan tâm khảo cứu không chỉ ở những nước có các dân tộc thuộc nhóm/hệ ngôn ngữ này mà cả ở một số nước khác như: Anh, Australia, Đức, Hà Lan, Hàn Quốc, Mỹ, Nhật, Pháp,... Không chỉ khảo cứu riêng rẽ, do nhu cầu gặp gỡ và trao đổi học thuật, 13 Hội nghị Thái học quốc tế (International

Conference on the Thai Studies - ICTS) đã được tổ chức tại 7 nước khác nhau gồm Ấn Độ, Thái Lan, Australia, Trung Quốc, Anh, Hà Lan, Mỹ.

Khảo cứu Thái học còn được đề cập đến trong một số sinh hoạt khoa học quốc tế khác. Chẳng hạn như Liên đoàn Quốc tế Nghiên cứu Nhân học và Dân tộc học (International Union of Anthropological and Ethnological Sciences) đã dành một tiểu ban cho Kế thừa và phát triển văn hóa phi vật thể nhóm dân tộc Thái - Kaday (Tai-Kadai's Inheritance and Development of Non-

---

<sup>(\*)</sup> PGS.TS., Chủ nhiệm Chương trình Thái học Việt Nam; Email: [vuongtoanls@gmail.com](mailto:vuongtoanls@gmail.com)

Physical Culture). Đại hội Liên đoàn lần thứ 16 được tổ chức vào tháng 7/2009 tại thành phố Côn Minh, Vân Nam (Trung Quốc). *TAI CULTURE* (Văn hóa Thái) là xuất bản phẩm quốc tế công bố kết quả nghiên cứu về văn hóa và lịch sử các dân tộc thuộc ngữ hệ này ở những vùng địa lý khác nhau: Việt Nam, Lào, Miến Điện, Assam (Ấn Độ), Thái Lan, Campuchia và Trung Quốc. Ngôn ngữ chính là tiếng Anh, trường hợp đặc biệt có bài tiếng Pháp và tiếng Đức (<http://www.seacom.de/taicul/tc.html>). Ấn phẩm này cũng có một chuyên đề riêng về Việt Nam là Volume 17 (2004): *Tai people in Vietnam*.

Thái học quốc tế là ngành khoa học nhân văn chủ yếu tổng hợp, nghiên cứu các vấn đề lịch sử, ngôn ngữ, văn hoá, kinh tế - xã hội... và sự phát triển xã hội, các mối quan hệ của các cộng đồng ngữ hệ Thái sống tập trung ở các nước khác nhau ở khu vực Đông Nam Á.

Ở Việt Nam, một số dân tộc thiểu số như Thái, Tày<sup>1</sup>, Nùng... sớm được quan tâm, song chủ yếu là trong các công trình riêng lẻ, đôi khi được ghép chung như trường hợp Tày - Nùng (cùng với chủ trương xây dựng một bộ chữ La tinh chung cho hai dân tộc này. Những học giả đầu tiên quan tâm đến vấn đề này trước hết phải kể đến Nguyễn Văn Huyền, sau là các tác giả Lã Văn Lô, Hà Văn Thụ, Đặng Nghiêm Vạn, Tô Ngọc Thanh,...

Tuy nhiên, phải đến cuối thập niên 80 của thế kỷ XX, Thái học mới chính thức được nghiên cứu có hệ thống nhờ có sự ra đời của *Chương trình Thái học Việt Nam*

(THVN), thành lập theo Quyết định của Hiệu trưởng trường Đại học Tổng hợp Hà Nội ngày 07/9/1989. Đây được xác định là một chương trình dài hạn, đặt trong *Trung tâm Hợp tác Nghiên cứu Việt Nam* (nay là *Viện Việt Nam học và Khoa học phát triển* thuộc Đại học Quốc gia Hà Nội).

Lúc mới ra đời (1989), Chương trình THVN có nhiệm vụ tổ chức nghiên cứu tổng hợp - chủ yếu tập trung vào các khoa học xã hội và nhân văn và môi trường sinh thái - các tộc người thuộc *nhóm ngôn ngữ Tày - Thái* ở Việt Nam với khoảng bốn triệu người, chiếm hơn 5% dân số Việt Nam, sinh sống chủ yếu ở các khu vực Đông Bắc, Tây Bắc và miền Tây các tỉnh Thanh Hóa và Nghệ An, gồm 8 tộc người: đông nhất là *Tày, Thái, Nùng*, sau đó là *Giáy, Lào, Lự, Bố Y* và *Sán Chay* (nhóm *Cao Lan*).

THVN nghiên cứu về các dân tộc thuộc nhóm ngôn ngữ Thái ở Việt Nam mà trước đây quen gọi là nhóm Tày - Thái, thuộc hệ Thái Kadai, trên các lĩnh vực dân tộc học, lịch sử, ngôn ngữ, văn hóa, nói chung trên các lĩnh vực khoa học xã hội và nhân văn, và cả lĩnh vực môi trường, sinh thái<sup>2</sup>.

Từ Hội nghị lần thứ VI (2012), Chương trình THVN xác định *Thái học* còn có những khảo cứu liên quan đến cả ngữ hệ Thái - Kadai, nghĩa là hướng sự quan tâm thêm đến 4 tộc người thuộc nhóm ngôn ngữ Kadai: *La Chí, La Ha, Cơ Lao* và *Pu Péo* ở Việt Nam.

## 2. Những thành tựu của Chương trình Thái học Việt Nam trong 30 năm qua (1989-2019)

Những năm qua, Chương trình THVN đã tổ chức nghiên cứu thành công (nhờ tập

<sup>1</sup> Trước đây gọi là *Thổ*, từ năm 1974 tộc danh này được dùng chính thức để chỉ một dân tộc thiểu số khác (thuộc nhóm Việt - Mường) gồm các nhóm: *Tày Poọng + Đan Lai + Ly Hà + Kẹo + Mọn + Cuối + Họ*.

<sup>2</sup> *Lời giới thiệu*, trong: *Văn hóa và lịch sử các dân tộc trong nhóm ngôn ngữ Thái Việt Nam*, Kỳ yếu Hội thảo Thái học lần thứ III, trang 21.

hợp cả các nhà khoa học lẫn các nhà sưu tầm ở các địa phương) nhiều vấn đề cơ bản về cộng đồng các dân tộc thuộc ngữ hệ Thái - Kadai, tổ chức được 8 hội nghị khoa học cấp quốc gia. Ba hội nghị đầu được tổ chức tại Hà Nội (vào các năm 1991, 1998, 2002). Các Hội nghị lần thứ IV - VIII phối hợp với các địa phương tổ chức tại: Cao Bằng (năm 2006), Điện Biên (năm 2009), Thanh Hóa (năm 2012), Lai Châu (năm 2015) và Nghệ An (năm 2017). Đáng chú ý là bên cạnh những công trình nghiên cứu chuyên sâu còn có nhiều bài viết chứa đựng hàm lượng thông tin cao và khách quan, do các tác giả là người địa phương sưu tầm, cung cấp. Vì thế nguồn tư liệu đa dạng, phong phú, giúp người đọc dễ dàng nhận diện những khía cạnh lịch sử và đường nét làm nên bản sắc văn hóa các tộc người thuộc ngữ hệ này ở Việt Nam. Các báo cáo gửi đến được lựa chọn và tập hợp, lần lượt in thành 8 tập kỹ yếu, đăng tổng cộng 566 bài viết với 5.290 trang.

Đặc biệt năm 2016, Chương trình Tây Bắc đã triển khai Đề tài cấp Nhà nước “*Nghiên cứu đề xuất giải pháp phát huy vai trò của cộng đồng dân tộc Thái trong phát triển bền vững vùng Tây Bắc*” (do PGS. TS. Phạm Văn Lợi làm chủ nhiệm). Đề tài thu hút nhiều thành viên và cộng tác viên của Chương trình tham gia thực hiện. Kỹ yếu của Hội nghị Quốc gia Thái học Việt Nam lần thứ VIII cũng chính là một trong những sản phẩm khoa học của Đề tài. Các kết quả nghiên cứu đã được Hội đồng đánh giá nghiệm thu thông qua năm 2018. Một số kết quả nghiên cứu chính đã được gửi đến/chuyển giao cho Hội đồng Dân tộc của Quốc hội, Ban Dân vận Trung ương, Ủy ban Dân tộc và UBND các tỉnh Yên Bái, Lai Châu, Điện Biên, Sơn La, Hòa Bình, Thanh Hóa và Nghệ An - những tỉnh có đồng người Thái cư trú.

Đáng chú ý nữa là năm 2016, một nhóm tác giả đã cho ra đời công trình *Từ điển văn hóa các dân tộc Thái - Tày - Nùng* (Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, 507 trang). Tập *Văn hóa dân gian các dân tộc Nùng và Tày - Các khái niệm cổ truyền* (270 trang A4) đã được trao *Giải thưởng Văn nghệ Dân gian Việt Nam* (giải khuyến khích) năm 2012.

Gần đây nhất, tập sách *Thái học Việt Nam: 30 năm - Một chặng đường* (1989-2019) đã được công bố. Cuốn sách tổng quan về tình hình nghiên cứu 30 năm qua của Chương trình; đồng thời chọn in một số bài viết về các vấn đề quan hệ tộc người (nguồn gốc lịch sử, kinh tế, xã hội và văn hóa) trong nhóm Tày - Thái, và rộng hơn là cả hệ Thái - Kadai...

Thực tế cho thấy, đội ngũ các nhà khảo cứu có liên quan đến THVN khá đông đảo và có mặt ở hầu khắp các địa phương có các dân tộc thuộc hệ ngôn ngữ này cư trú, nhiều học giả là người thuộc các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái, có những hiểu biết sâu sắc về dân tộc mình.

### **3. Mười chủ đề đã thực hiện và định hướng nghiên cứu sắp tới cho Thái học Việt Nam**

Các nghiên cứu về THVN 30 năm qua đã được in trong 8 tập kỹ yếu (Chương trình THVN, 1992, 1998, 2002, 2006, 2009, 2012, 2015, 2017) và các công trình kể trên tập trung vào 10 chủ đề nổi bật dưới đây. Dựa trên cơ sở này, chúng tôi cũng đề xuất định hướng cho những nghiên cứu cần được triển khai sắp tới, với hy vọng hòa nhập vào hướng đi chung của ngành Việt Nam học trong tương lai.

#### *3.1. Quá trình tộc người với lịch sử hình thành và phát triển quốc gia*

Một số nghiên cứu đã đề cập đến các vấn đề liên quan đến *lịch sử* tộc người, nhấn mạnh đến sự đóng góp của đồng bào các dân tộc vào sự phát triển chung của

đất nước. Nhiều bài viết đã đề cập đến *quá trình tộc người*, đặc biệt là về người Tày-Thái cổ và nguồn gốc phân bố các nhóm tộc người. Một số bài viết về gia phả, dòng họ và nhân vật lịch sử (Hoàng Văn Thụ, Chu Văn Thịnh,...) góp phần làm sáng tỏ những đóng góp của cộng đồng Thái - Kàđai ở Việt Nam.

Nghiên cứu sắp tới về *lịch sử tộc người* có thể dựa trên các cứ liệu trong văn học dân gian, nhất là những tác phẩm đã được ghi lại bằng chữ Thái cổ, Nôm Tày, Nôm Nùng... để trả lời cho những câu hỏi giới nghiên cứu từng đặt ra như: Vì sao người Tày - Thái ở Việt Nam không có trống đồng<sup>1</sup>? Hoặc, tại sao ảnh hưởng của nhân vật Nông/Nùng Trí Cao là rất lớn trong cộng đồng, nhưng chưa phát hiện được tác phẩm nào bằng chữ Nôm của người Tày và Nùng ghi lại sự tích?

Nhìn chung, cần tiếp tục làm sáng tỏ vai trò, vị trí của cộng đồng Thái - Kàđai Việt Nam trong cộng đồng dân tộc Việt Nam và cộng đồng Thái - Kàđai trên thế giới, trong lịch sử và hiện tại, đồng thời đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị lịch sử đó trong bối cảnh công nghiệp hóa, hiện đại hóa và hội nhập quốc tế.

### 3.2. Kinh tế truyền thống

Nhiều nghiên cứu về Thái học đã tập trung vào những đặc điểm của kinh tế truyền thống nói chung, có những nghiên cứu chuyên sâu về sinh kế, chú trọng vào nông nghiệp truyền thống như trồng trọt, khảo tả sâu về nghề truyền thống, hoặc giới thiệu một số làng nghề như dệt thổ cẩm, gốm, rèn, với dụng cụ, phương tiện chuyên biệt...

Một số nghiên cứu đã chỉ ra rằng, nhiều nghề truyền thống của đồng bào cần được phát huy, vừa nhằm bảo tồn vừa nhằm phát triển kinh tế, nâng cao đời sống của người dân. Đồng thời bên cạnh chủ trương chuyển đổi từ canh tác nương rẫy sang trồng rừng trên cơ sở khoa học thì các phương pháp canh tác truyền thống (xen canh, luân canh và hưu canh) vẫn có thể vận dụng trong sinh kế rừng của đồng bào hiện nay.

Thời gian tới các nghiên cứu cần tiếp tục làm sáng tỏ những vấn đề đặt ra trong quá trình phát triển kinh tế bền vững của đồng bào, chẳng hạn như phát triển du lịch cộng đồng không thể chỉ quan tâm đến lợi ích kinh tế mà còn cần bảo tồn, quảng bá văn hóa các tộc người.

### 3.3. Xã hội và môi trường

Xã hội truyền thống có tổ chức chặt chẽ, đặc biệt là ở người Thái, và một chừng mực nhất định ở người Tày đã được đề cập trong các nghiên cứu. Điều này đòi hỏi mỗi thành viên tộc người cần tự giác tuân thủ các phong tục tập quán lâu đời, thể hiện trong giao tiếp, quy ước về hôn nhân, gia đình, tục lệ kiêng kị khi sinh đẻ hay nuôi con nhỏ, khi có việc ma chay...

Về *xã hội*, có chùm bài về vai trò của cộng đồng trong hệ thống chính quyền và hệ thống chính trị; vai trò của các thiết chế thôn/bản/mường trong việc gìn giữ và phát huy giá trị văn hóa dân tộc trong bối cảnh hội nhập, ngay cả trong trường học. Tính chất, bản sắc và khả năng thích ứng trong phát triển bền vững xã hội được nhấn mạnh, đặc biệt là trong mối quan hệ với các tộc người khác cùng chung sống.

Về *ứng xử của con người với môi trường tự nhiên và khả năng thích ứng với phát triển*, đã có một số tác giả viết về thực trạng và những vấn đề đặt ra trong sử dụng và bảo vệ tài nguyên thiên nhiên (nước,

<sup>1</sup> Được biết, trống đồng trung bày ở Bảo tàng Điện Biên được xác nhận không phải của người Thái. Ở Quan Sơn, Thanh Hóa xưa, nhiều gia đình giàu có đã mua trống đồng về sử dụng (không phải tự chế tác).

rừng, đất) của cộng đồng các dân tộc, trong đó có việc xây dựng các bảo tàng thiên nhiên - văn hóa, hay việc khai thác, bảo vệ các khu rừng thiêng.

Định hướng cho nghiên cứu sắp tới là tập trung vào những vấn đề phát triển kinh tế và môi trường bền vững, nghiên cứu những vấn đề đặt ra do những chuyển đổi sinh kế, thay đổi môi trường sống.

### 3.4. Kiến thức bản địa

Các nghiên cứu cho thấy, kiến thức của đồng bào về y học dân gian khá phong phú với các vị thuốc hay bài thuốc cổ truyền, từ chỗ chỉ sử dụng những cây thuốc mọc tự nhiên, nay đồng bào có thể nhân giống, gieo trồng trở thành nguồn dược liệu tự nhiên vô cùng quý giá.

Để tính toán thời gian, người Thái biết sử dụng lịch riêng, kể cả cho sản xuất, theo thời vụ.

Trong sản xuất và sinh hoạt, đồng bào biết cách bảo vệ môi trường sinh thái, tài nguyên đất, rừng và nước, có những tri thức nay vẫn rất phù hợp, cần được giữ gìn và phát huy, nhằm quản lý tốt tài nguyên đất, rừng trong khi phát triển làng nghề và nông thôn mới.

Định hướng cho nghiên cứu sắp tới là tiếp tục khai thác mọi giá trị của tri thức cộng đồng có thể góp phần phát triển kinh tế, văn hóa, xã hội, đoàn kết dân tộc, giữ gìn an ninh biên giới.

### 3.5. Văn hóa truyền thống

*Về văn hóa vật thể:* Âm thực của người dân mỗi vùng miền, khu vực có những đặc trưng riêng. Nhiều giá trị văn hóa ẩm thực của đồng bào đã được nghiên cứu và khai thác đáp ứng nhu cầu phát triển du lịch. Qua các nghiên cứu, cũng có thể thấy trang phục truyền thống của các dân tộc trong đời sống hiện đại vẫn được trân trọng, thường xuất hiện phổ biến trong các dịp lễ tết, tế

lễ, ma chay, cưới hỏi,... chứ không phải chỉ trên sân khấu.

*Về văn hóa phi vật thể:* Không chỉ mô tả hệ thống các lễ tết trong năm, như các ngày Tết Nguyên đán, Thanh minh, gọi vía trâu, tháng bảy, ăn cơm mới,..., nhiều nghiên cứu còn tập trung vào các *lễ hội* như hội xuống đồng, lễ hội cầu mưa, lễ hội Hoa Ban,... cùng với một số trò chơi dân gian (như đẩy gậy, múa lân, đánh đu, đi cà kheo...). Các nghiên cứu cho thấy nhiều lễ, tết của người dân vẫn được bảo tồn khá tốt.

Định hướng cho nghiên cứu sắp tới là tiếp tục đi vào chiều sâu, nhằm chỉ ra được những đặc trưng thực sự làm nên bản sắc tộc người, đề xuất các giải pháp bảo tồn và phát huy các giá trị văn hóa tốt đẹp của đồng bào trong bối cảnh xây dựng nông thôn mới, góp phần xây dựng nền văn hóa Việt Nam tiên tiến, đậm đà bản sắc dân tộc trong thời kỳ hội nhập quốc tế và khu vực.

### 3.6. Đời sống tâm linh

Không chỉ khảo tả đời sống tâm linh với các nghi lễ thờ cúng cùng các bài cúng tổ tiên hay cầu lành mà bà con thường sử dụng, để góp phần làm rõ đời sống nội tâm của đồng bào, đã có nhiều tác giả đi sâu nghiên cứu tâm lý dân tộc: từ việc thực hành tâm linh thể hiện dấu ấn văn hóa Phật giáo đến sự hỗn dung của tín ngưỡng dân gian, Như hát Then (từ thực hành tín ngưỡng được chuyển sang sinh hoạt văn nghệ) là sự thể hiện “hồn cốt nhân văn” của các dân tộc Tày, Nùng và Thái. Hát Then đã được công nhận là Di sản Văn hóa phi vật thể quốc gia và tháng 12/2019 đã được UNESCO công nhận là Di sản Văn hóa phi vật thể đại diện của nhân loại.

Định hướng cho các nghiên cứu sắp tới là cần tìm hiểu vì sao tôn giáo (điển hình là Phật giáo) để lại dấu ấn mờ nhạt trong đời sống tâm linh các dân tộc này ở Việt Nam,

khác hẳn với những người cùng ngữ hệ này ở các quốc gia láng giềng là: Lào, Thái Lan và Myanmar.

### 3.7. Văn nghệ dân gian

Văn nghệ dân gian được sưu tầm, giới thiệu, phân tích, bao gồm các truyền thuyết, truyện cổ tích, huyền thoại hay thơ ca dân gian, từ anh hùng ca/sử thi đến các thể loại dân ca. Tục hát *Văn Hoan* (của người Thái ở Mường Mộc), hoặc hát *Cỏ lầu* (nét văn hóa đặc trưng của người Nùng,...) đang dần bị mai một cần nghiên cứu bảo tồn. Nghệ thuật sân khấu truyền thống, gắn với sinh hoạt cộng đồng như *trò rối*, *dả hai* hay *hạn khuống* cần được khảo tả nhằm bảo tồn và khai thác vào các dịp lễ hội. Các điệu dân vũ, đặc biệt là *múa xòe*, được vinh danh và thực hành theo hướng bảo tồn nghệ thuật dân tộc. Có một số tác giả khảo tả về nghệ thuật trang trí, kiến trúc, mỹ thuật, với những nét sáng tạo dân gian, cùng một số loại nhạc khí cổ truyền.

Định hướng cho nghiên cứu sắp tới là tiếp tục sưu tầm làm giàu cho kho tàng văn nghệ dân gian, phân tích so sánh để nhận rõ các giá trị chung và riêng, nhằm khai thác và phát huy trong đời sống hiện tại.

### 3.8. Ngôn ngữ

Tiếng nói và chữ viết của các dân tộc đã thu hút khá nhiều tác giả, từ việc mô tả các phương ngữ đến việc xây dựng các bảng từ vựng và từ điển song ngữ.

Danh học là một lĩnh vực được quan tâm đặc biệt, bao gồm các bài giới thiệu về nhân danh/tác giả là người dân tộc, và về địa danh, liên quan đến tên bản/mường và một số bài lý giải về tộc danh.

Việc triển khai dạy tiếng dân tộc ở nhiều nơi gần đây được thực hiện theo chủ trương và đường lối chung. Một số ngôn ngữ đã được đưa vào giảng dạy không chỉ ở các nhà trường phổ thông, mà còn có những lớp

riêng cho cán bộ công chức và lực lượng vũ trang. Đó là việc triển khai dạy tiếng Thái ở các tỉnh Điện Biên, Hòa Bình, Lai Châu, Sơn La, Yên Bái, Thanh Hóa, Nghệ An; tiếng Tày ở các tỉnh Cao Bằng, Bắc Kạn, Lạng Sơn và Thái Nguyên; tiếng Lào, ở các tỉnh Sơn La và Thanh Hóa; tiếng Nùng ở Lạng Sơn. Được biết, Ban Dân tộc tỉnh Lào Cai đã đề nghị mở thêm lớp tiếng Giáy.

Chữ viết cổ của các dân tộc (Thái cổ, Nôm Tày, Nôm Nùng) được quan tâm ở nhiều phương diện khác nhau, như sưu tầm, lưu giữ và phát huy các giá trị của văn bản cổ.

Định hướng cho nghiên cứu sắp tới là tôn trọng xu hướng tìm về với hệ chữ viết cổ truyền, thể hiện rõ nhất là ở người Thái. Với những tộc người có nhiều bộ chữ viết thì cần làm rõ có nên tiếp tục truyền dạy các bộ chữ Thái cổ được các địa phương sử dụng - như tỉnh Nghệ An triển khai việc dạy cả ba bộ chữ: Lai Tay, Lai Pao và Tay Thanh, hay hướng tới một bộ chữ thống nhất. Đồng thời, cũng cần nhìn lại giá trị của các bộ chữ La tinh đã được phê duyệt năm 1961.

### 3.9. Những biến đổi trong hội nhập và phát triển

Đề cập đến cuộc sống mới, với những biến đổi trong hội nhập và phát triển, đã có những nghiên cứu cho thấy, không chỉ những kỹ năng giao tiếp, ứng xử, mà ngay cả những phong tục, tập quán cùng với những nét văn hóa đặc sắc (về nhà ở, ẩm thực, âm nhạc) của đồng bào cũng đang dần thay đổi trong quá trình phát triển. Cụ thể như gần đây tập quán ăn uống đã có nhiều biến đổi, thể hiện ở cơ cấu bữa ăn. Về trang phục, có sự thay đổi chất liệu, phương thức dệt may, kiểu cách, nhất là y phục sử dụng hàng ngày và của nam giới. Nhà ở cũng có nhiều biến đổi về kỹ thuật làm nhà và trang trí.

Trong thời kỳ hiện đại, văn hóa lúa nước vẫn hiện hữu trong đời sống nhưng đã bắt đầu có sự pha tạp, các yếu tố dân tộc, ngôn ngữ, tôn giáo cũng đổi mới, đa dạng.

Định hướng cho nghiên cứu sắp tới là: Xuất phát từ thực tế, cần nghiên cứu để chỉ rõ những cái được/mất (chẳng hạn như phát triển du lịch cộng đồng) góp phần hoạch định chính sách; xây dựng các mô hình về giữ gìn, phát huy các giá trị văn hóa làm nên bản sắc dân tộc...

### 3.10. Gắn sự phát triển của ngành Thái học Việt Nam và thế giới

Thời gian qua đã có những bài thông tin về tình hình nghiên cứu của Thái học quốc tế và những đóng góp của các nhà nghiên cứu Việt Nam cho Thái học ở nước ngoài, cùng với việc đề xuất một số giải pháp nâng cao vai trò của các tộc người cư trú dọc hai bên biên giới nhằm phát triển bền vững quan hệ hữu nghị truyền thống giữa các quốc gia (biên giới Việt-Lào và Việt-Trung). Nhiều bài viết đã được gửi đến các hội thảo quốc tế.

Định hướng cho nghiên cứu sắp tới là mở rộng phạm vi nghiên cứu so sánh - đối chiếu, không chỉ dừng lại ở các tộc người trong nước mà cả với đồng tộc ở nước ngoài. Cần lưu ý sự tương đồng và khác biệt về phân định dân tộc và xác định tộc danh ở các quốc gia khác.

Sau 30 năm triển khai hoạt động, tuy chưa thực sự hình thành bộ môn Thái học, nhưng một số cơ sở đã đào tạo được một số cử nhân, thạc sĩ và tiến sĩ thực hiện đề tài về các dân tộc thuộc hệ ngôn ngữ này<sup>1</sup>.

<sup>1</sup> Thông kê có thể xem trong: Vương Toàn (2016), Thư mục *Luận án tiến sĩ, luận văn thạc sĩ, khóa luận tốt nghiệp về các dân tộc Tày, Thái, Nùng đã bảo vệ thành công* (thông kê chưa đầy đủ tính đến ngày 20/11/2015), trong: *Từ điển văn hóa các dân tộc Thái - Tày - Nùng*, tr. 500-595.

Đối tượng đào tạo không chỉ là người trong nước mà có cả một số người nước ngoài. Các khóa luận, luận văn và luận án đề cập đến nhiều vấn đề, không chỉ về ngôn ngữ và chữ viết mà nhiều lĩnh vực khác trong đời sống người dân như ẩm thực, trang phục, nhà cửa, hôn nhân, gia đình, ma chay, tín ngưỡng dân gian, nghệ thuật trang trí, một số làn điệu dân ca, sinh hoạt kinh tế, công cụ sản xuất, không chỉ về các dân tộc có dân số đông như Thái, Tày, Nùng mà đã có đề tài khảo cứu chuyên sâu về các dân tộc ít người hơn, như các luận án tiến sĩ về tiếng La Ha, tiếng Cao Lan (một trong hai nhóm thuộc dân tộc Sán Chay)... Việc tìm hiểu về một số nhóm tộc người như Ngạn, Nùng Vên, Tày (Thỏ) Đà Bắc,... hiện được chú ý, do đang còn có những cách kiến giải khác nhau, về từng mặt cụ thể.

### 4. Thay lời kết

Thái học Việt Nam 30 năm qua đã làm rõ nhiều vấn đề về các dân tộc thuộc ngữ hệ Thái-Kadai ở Việt Nam với sự đóng góp của đông đảo nhà nghiên cứu và sự giúp đỡ của nhiều tổ chức trong và ngoài nước. Với đội ngũ ngày một đông đảo và đang được trẻ hóa, thời gian tới nghiên cứu THVN hy vọng sẽ tiếp tục đạt được những thành tựu đáp ứng yêu cầu của xã hội □

### Tài liệu tham khảo

1. Chương trình Thái học Việt Nam (1992), *Kỷ yếu Hội thảo Thái học lần thứ I* (ngày 25-26/11/1991), Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
2. Chương trình Thái học Việt Nam (1998), *Văn hóa và lịch sử người Thái ở Việt Nam*, Kỷ yếu Hội thảo Thái học lần thứ II, Nxb. Văn hóa dân tộc, Hà Nội.
3. Chương trình Thái học Việt Nam (2002), *Văn hóa và lịch sử các dân tộc trong nhóm ngôn ngữ Thái Việt Nam*,

- Kỷ yếu Hội thảo Thái học lần thứ III, Nxb. Văn hóa Thông tin, Hà Nội.
4. Chương trình Thái học Việt Nam (2006), *Đóng góp của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái trong tiến trình lịch sử Việt Nam*, Kỷ yếu Hội nghị Thái học Việt Nam lần thứ IV, Cao Bằng, Nxb. Đại học Quốc gia Hà Nội, Hà Nội.
  5. Chương trình Thái học Việt Nam (2009), *Địa danh và những vấn đề lịch sử - văn hóa của các dân tộc nhóm ngôn ngữ Tày - Thái Việt Nam*, Kỷ yếu Hội nghị Thái học Việt Nam lần thứ V, Điện Biên, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
  6. Chương trình Thái học Việt Nam (2012), *Cộng đồng các tộc người ngữ hệ Thái - Kadai ở Việt Nam: Truyền thống, hội nhập và phát triển*, Kỷ yếu Hội nghị Thái học Việt Nam lần thứ VI, Thanh Hóa, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
  7. Chương trình Thái học Việt Nam (2015), *Cộng đồng Thái - Kadai Việt Nam: Những vấn đề phát triển bền vững*, Kỷ yếu Hội nghị quốc gia Thái học Việt Nam lần thứ VII, Lai Châu, Nxb. Thế giới, Hà Nội.
  8. Chương trình Thái học Việt Nam (2017), *Phát huy vai trò, bản sắc cộng đồng các dân tộc Thái - Kadai trong hội nhập và phát triển bền vững*, Kỷ yếu Hội nghị quốc gia Thái học lần thứ VIII, Nghệ An, Nxb. Thế giới, Hà Nội.

(tiếp theo trang 51)

#### Thay lời kết

Việc nhà nước định hướng và bảo đảm sự phát triển của tổ chức xã hội tự nguyện là đáp ứng nhu cầu của đời sống xã hội. Một mặt, nó bảo đảm các nhu cầu chính đáng của nhân dân, mặt khác, việc định hướng những không gian phù hợp từ phía nhà nước để tổ chức xã hội tự nguyện phát triển sẽ khai thác các tiềm năng của tổ chức này và hạn chế những rủi ro mà nó có thể mang lại. Chính vì vậy, việc đề ra chính sách và xây dựng luật điều chỉnh hiệu quả đối với các tổ chức xã hội ở nước ta hiện nay là một trong những vấn đề cần được quan tâm đúng mức □

#### Tài liệu tham khảo

1. *Hiến pháp nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam năm 2013*, <https://thuvienphapluat.vn/van-ban/bo-may-hanh-chinh/Hien-phap-nam-2013-215627.aspx>
2. Thành Tâm (2014), *Biến động ở Bắc Phi - Trung Đông và các cuộc “cách mạng màu” có tương đồng?*, <http://antg.cand.com.vn/Ho-so-mat/Bien-dong-o-Bac-Phi---Trung-Dong-va-cac-cuoc-cach-mang-mau-co-tuong-dong-307841/>
3. Wacks, Raymond (2011), *Triết học luật pháp*, Phạm Kiều Tùng dịch, Nxb. Tri thức, Hà Nội.